

Số: /2025/QĐ-UBND Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 46/TTr-SNN&MT ngày 23 tháng 7 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Khuyến nông (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là Sở), có chức năng giúp Giám đốc Sở triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chế biến, bảo quản, nông, lâm, thủy sản; thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức; tập huấn, đào tạo nông dân nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, ứng dụng chuyển đổi số phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp; công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Trung tâm Khuyến nông có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở theo quy định của pháp luật; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Về lĩnh vực khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư

a) Đề xuất với Giám đốc Sở về chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm và hàng năm, các chương trình, kế hoạch, dự án, mô hình, các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư trên địa bàn tỉnh;

b) Xây dựng, trình Giám đốc Sở chương trình, kế hoạch, dự án, mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư tại địa phương. Tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Ký hợp đồng khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư (về thực hiện chương trình, đề án, dự án, đề tài khoa học công nghệ, mô hình sản xuất thử nghiệm, khảo nghiệm, chuyển giao công nghệ) với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, đề tài khoa học công nghệ, mô hình sản xuất thử nghiệm, khảo nghiệm, chuyển giao công nghệ và nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo phân công của Giám đốc Sở;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chương trình, dự án, mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật;

e) Hướng dẫn về nội dung, phương thức hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho các cơ quan, đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

g) Chủ trì xây dựng chương trình, tài liệu hướng dẫn khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; tổ chức tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ, công tác viên khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư các cấp và nông dân;

h) Tổ chức và tham gia tổ chức các hội thi, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

i) Tham gia đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân công của Giám đốc Sở và quy định pháp luật. Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức đào tạo nghiệp vụ cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh;

k) Phối hợp với các tổ chức thuộc Sở trong công tác phòng, tránh dịch bệnh, thiên tai tại địa phương;

l) Quản lý và sử dụng quỹ hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật;

m) Thực hiện hợp tác quốc tế về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật;

n) Liên doanh liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm theo quy định pháp luật.

2. Về công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản và thủy sản

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác xúc tiến thương mại, nghiên cứu, dự báo thị trường nông, lâm, thủy sản theo phân công của Giám đốc Sở;

b) Hướng dẫn và tổ chức hội chợ, triển lãm, hội thi sản phẩm nông, lâm, thủy sản và sản phẩm làng nghề nông thôn;

c) Thực hiện hoặc phối hợp thực hiện với các cơ quan chức năng xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh;

d) Tư vấn, hỗ trợ và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác về giá cả hàng hóa nông sản, thị trường tiêu thụ;

đ) Xây dựng và tổ chức thực hiện sàn giao dịch điện tử cho hàng hóa nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh;

e) Tham gia thực hiện công tác dự báo bản tin giá cả thị trường của hàng hóa nông, lâm, thủy sản góp phần xây dựng nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

3. Về công tác bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư

a) Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

b) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kỹ năng khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chính sách, pháp luật, kỹ thuật, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, kinh tế, thị trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại, bảo vệ môi trường cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến nông cộng đồng; cộng tác viên khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân; các đối tượng tham gia hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền

a) Thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư nông nghiệp, nông dân, nông thôn và bảo vệ môi trường;

b) Phổ biến quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, điển hình tiên tiến trong hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư nông nghiệp, nông thôn và bảo vệ môi trường;

c) Thông tin các hoạt động của ngành, thông tin thị trường, giá cả của hàng hóa nông, lâm, thủy sản, lịch nông vụ, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại và bảo vệ môi trường, thông tin tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng trong sản xuất nông nghiệp và bảo quản, chế biến hàng hóa nông sản, cho nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh;

d) Truy cập, thu thập, xử lý chọn lọc thông tin có giá trị mang tính thời sự về kinh tế - xã hội - khoa học công nghệ phục vụ cho công tác lãnh đạo của ngành;

đ) Xây dựng mạng lưới cộng tác viên về thông tin thị trường, khoa học công nghệ từng bước phát triển về nguồn lực thông tin;

e) Thực hiện tư vấn, cung ứng thông tin cho nhu cầu của mọi đối tượng theo quy định pháp luật;

g) Phối hợp xây dựng bản tin nông nghiệp và môi trường của ngành;

h) Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khuyến nông, khuyến nông điện tử, tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin trong hệ thống khuyến nông.

5. Xây dựng và nhân rộng mô hình

a) Xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ phù hợp với từng địa phương của tỉnh, nhu cầu của sản xuất và định hướng phát triển của ngành;

b) Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình trình diễn, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.

6. Nhiệm vụ khác

a) Báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động của Trung tâm theo yêu cầu của Sở và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia;

b) Tổ chức thực hiện công tác quản lý tổ chức, biên chế, vị trí việc làm, viên chức, tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao theo phân cấp của Giám đốc Sở, cấp thẩm quyền và quy định của pháp luật;

c) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm được cấp thẩm quyền quyết định, Trung tâm trình Giám đốc Sở quyết định về quy định chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ của các phòng, trạm thuộc Trung tâm;

d) Tư vấn kỹ thuật lĩnh vực khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư phù hợp với nhu cầu của khách hàng và năng lực hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Giám đốc Sở giao;

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm, gồm: Giám đốc và 05 Phó Giám đốc (Lộ trình đến

năm 2030 thực hiện đảm bảo số lượng cấp phó theo quy định).

a) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm;

b) Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc phụ trách một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm.

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các phòng chuyên môn

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Thông tin và Đào tạo;

c) Phòng Kỹ thuật Chăn nuôi và Thủy sản;

d) Phòng Kỹ thuật Trồng trọt.

3. Các Trạm Khuyến nông khu vực

a) Trạm Khuyến nông Khu vực I (gồm 05 phường và 03 xã): Phường Long Châu, phường Thanh Đức, phường Phước Hậu, phường Tân Hạnh, phường Tân Ngãi, xã An Bình, xã Long Hồ, xã Phú Quới;

b) Trạm Khuyến nông Khu vực II (gồm 11 xã): Xã Bình Phước, xã Cái Nhum, xã Tân Long Hội, xã Nhơn Phú, xã Quới Thiện, xã Hiếu Thành, xã Hiếu Phụng, xã Trung Hiệp, xã Quới An, xã Trung Ngãi, xã Trung Thành;

c) Trạm Khuyến nông Khu vực III (gồm 10 xã): Xã Hòa Hiệp, xã Tam Bình, xã Cái Ngang, xã Song Phú, xã Ngãi Tứ, xã Trà Côn, xã Trà Ôn, xã Lục Sĩ Thành, xã Hòa Bình, xã Vĩnh Xuân;

d) Trạm Khuyến nông Khu vực IV (gồm 03 phường và 03 xã): Phường Bình Minh, phường Cái Vồn, phường Đông Thành, xã Mỹ Thuận, xã Tân Quới, xã Tân Lược;

đ) Trạm Khuyến nông Khu vực V (gồm 04 phường và 07 xã): Phường Trà Vinh, phường Nguyệt Hóa, phường Long Đức, phường Hòa Thuận, xã Hưng Mỹ, xã Hòa Minh, xã Long Hòa, xã Vĩnh Kim, xã Song Lộc, xã Châu Thành, xã Cầu Ngang;

e) Trạm Khuyến nông Khu vực VI (gồm 09 xã): Xã Nhị Long, xã Càng Long, xã Bình Phú, xã An Trường, xã Tân An, xã Tam Ngãi, xã Cầu Kè, xã An Phú Tân, xã Phong Thạnh;

g) Trạm Khuyến nông Khu vực VII (gồm 10 xã): Xã Tiểu Cần, xã Tân Hòa, xã Hùng Hòa, xã Tập Ngãi, xã Tập Sơn, xã Lưu Nghiệp Anh, xã Trà Cú, xã Hàm Giang, xã Long Hiệp, xã Nhị Trường;

h) Trạm Khuyến nông Khu vực VIII (gồm 02 phường và 09 xã): Phường Duyên Hải, phường Trường Long Hòa, xã Đại An, xã Đôn Châu, xã Ngũ Lạc, xã Hiệp Mỹ, xã Mỹ Long, xã Long Hữu, xã Long Vĩnh, xã Long Thành, xã Đông Hải;

i) Trạm Khuyến nông Khu vực IX (gồm 01 phường, 07 xã): Phường Bến Tre, xã Phú Phụng, xã Chợ Lách, xã Vĩnh Thành, xã Hưng Khánh Trung, xã Phước Mỹ Trung, xã Tân Thành Bình, xã Nhuận Phú Tân;

k) Trạm Khuyến nông Khu vực X (gồm 11 xã): Xã Đồng Khởi, xã Mỏ Cày, xã Thành Thới, xã An Định, xã Hương Mỹ, xã Đại Điền, xã Quới Điền, xã Thạnh Phú, xã An Qui, xã Thạnh Hải, xã Thạnh Phong;

l) Trạm Khuyến nông Khu vực XI (gồm 02 phường, 14 xã): Phường An Hội, phường Phú Khương, xã Tân Thủy, xã Bảo Thạnh, xã Ba Tri, xã Tân Xuân, xã Mỹ Chánh Hòa, xã An Ngãi Trung, xã An Hiệp, xã Hưng Nhượng, xã Giồng Trôm, xã Tân Hào, xã Phước Long, xã Lương Phú, xã Châu Hòa, xã Lương Hòa;

m) Trạm Khuyến nông Khu vực XII (gồm 02 phường, 11 xã): Phường Sơn Đông, phường Phú Tân, xã Phú Túc, xã Giao Long, xã Tiên Thủy, xã Tân Phú, xã Thới Thuận, xã Thạnh Phước, xã Bình Đại, xã Thạnh Trị, xã Lộc Thuận, xã Châu Hưng, xã Phú Thuận.

4. Lãnh đạo phòng, trạm thuộc Trung tâm gồm có cấp trưởng và cấp phó do Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp thực hiện hợp nhất, sắp xếp đơn vị làm tăng số lượng cấp phó của phòng, trạm thuộc Trung tâm so với quy định thì trong thời gian 05 năm kể từ ngày thực hiện sắp xếp, Giám đốc Trung tâm phải sắp xếp, bố trí đảm bảo số lượng cấp phó theo quy định.

Điều 4. Số lượng người làm việc, hợp đồng lao động

Số lượng người làm việc của Trung tâm thực hiện theo quyết định giao biên chế giao hàng năm của cơ quan có thẩm quyền và hợp đồng lao động theo quy định pháp luật.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Trung tâm Khuyến nông sau sắp xếp, tiếp tục thực hiện các công việc, thủ tục đang được Trung tâm Khuyến nông Bến Tre, Trung tâm Khuyến nông Trà Vinh và Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long trước khi sắp xếp thực hiện. Trường hợp các công việc, thủ tục đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước nhưng phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết sau khi sắp xếp thì Trung tâm Khuyến nông sau sắp xếp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan để giải quyết vấn đề phát sinh đó theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2025.
2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.
3. Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bến Tre thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bến Tre; Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thành lập Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bến Tre thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bến Tre, hết hiệu lực thi hành kể từ khi Quyết định này có hiệu lực.
4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 5 Điều 6;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB & QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Trung tâm thông tin điều hành (đăng công báo);
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lữ Quang Ngời